

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS - ST

Ngày: 14 - 9 - 2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng
đất, chia tài sản chung của vợ
chồng, chia thừa kế tài sản và yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thắng

Ông Nguyễn Văn Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Nam Định.

Từ ngày 08 tháng 9 đến ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân
tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2023/TLST-DS ngày
22/5/2023 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng,
chia thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST-DS ngày
25/8/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H: Bà Nguyễn Thị Mai H,
sinh năm 1979. Nơi thường trú: P 306, B3 Tập thể C Hà Nội, phường Th, quận T,
TP. Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 6 năm 2023).

*** Bị đơn:**

- Anh Anh Th, sinh năm 1994;

- Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1996;

Cùng nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn Ng: Anh Anh Th, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022)

- Ông Nguyễn Văn Ch (Nguyễn Hải Tr), sinh năm 1974, đã chết ngày 18/7/2022. Khi ông Ch còn sống có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 25/4/2022).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 2004.

Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ng: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2022).

- Bà Nguyễn Hải Y, sinh năm 1980.

- Chị Nguyễn Thị H A, sinh năm 2002.

Cùng nơi cư trú: Xóm H, xã Tr, huyện Th, TP. Hải Phòng.

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1979.

- Cháu Nguyễn Văn Th, sinh năm 2015.

Cùng nơi cư trú: Xóm 13, xã Ng, huyện Th, TP. Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Th: Bà Bùi Thị H (mẹ đẻ cháu Th).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị H, bà Nguyễn Hải Y, chị Nguyễn Thị H A: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2022, ngày 15/12/2022).

- Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1931.

Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kh: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2022).

- Ông Vũ Thế K, sinh năm 1932.

Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Anh Th, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2023).

- Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc X- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Xung: Ông Nguyễn Minh Th - Quyền Trưởng phòng Tài nguyên và Môi Tr1 huyện V (Văn bản ủy quyền ngày 24/8/2023).

Tại phiên tòa có mặt bà H, bà H, anh Th, ông M, ông S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Ng kết hôn với nhau ngày 02/02/2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, ông bà có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Thanh Ng. Trước khi ông Ng kết hôn với bà thì ông Ng đã kết hôn với bà Vũ Thị V và có hai con chung là anh Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Ng, ngày 30/8/2002 bà V chết.

Khi ông Ng và bà V chung sống với nhau thì bố chồng là cụ Nguyễn Văn Kh chưa cho đất mà chỉ cho ông Ng và bà V làm nhà ở trên đất của cụ.

Sau khi kết hôn, bà và ông Ng được cụ Kh tặng cho toàn bộ thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18-12-2010.

Trên thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12; diện tích 314m² có 01 ngôi nhà mái bằng 01 tầng (gồm 03 gian nhà ngoài và 01 gian buồng lòi) khoảng 60m² do ông Ng và bà V xây dựng năm 1999. Sau khi kết hôn với bà thì bà và ông Ng có sửa chữa trát lại tường nhà phía trong và ngoài, lát nền nhà, làm cánh cửa mới từ năm 2006. Tuy nhiên bà không đề nghị gì về phần bà đóng góp tiền của, công sức vào việc tu sửa 03 gian nhà + buồng này.

Năm 2006 bà và ông Ng xây dựng mới thêm công trình phụ mái bằng (bếp + nhà vệ sinh + nhà tắm), diện tích bếp khoảng 15m², nhà tắm khoảng 15m²; Năm 2009 bà và ông Ng xây thêm 01 gian buồng mái bằng khoảng 12m², xây tường bao quanh thổ đất. Năm 2017 bà và ông Ng tiếp tục xây thêm 01 phòng ở mái bằng khoảng 12m², trong phòng có công trình phụ khép kín (hiện vợ chồng anh Ng đang ở), thay 02 khoang cửa lim (cửa phòng ngoài nhà của ông Ng và bà V xây năm 1999, cửa phòng anh Ng đang ở). Năm 2020 bà và ông Ng làm mái tôn toàn bộ sân phía trước.

Toàn bộ chi phí cho việc xây sửa nhà là do bà và ông Ng bỏ ra, anh Ng và anh Th không có công sức hay tiền của đóng góp gì.

Hiện nay trên thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² có bà, chị Ng, anh Th và vợ chồng anh Ng đang ở.

Ngoài ra, năm 2005, UBND xã T tổ chức bán đấu giá các thửa đất thuộc khu vực Đ, xã T cho nhân dân. Do nhà đông con nên gia đình bà có nhu cầu đấu giá đất, thời điểm đó ông Ng đang làm cán bộ Văn phòng kiêm thủ quỹ UBND xã T, vì tránh điều tiếng ảnh hưởng đến công việc nên ông Ng có nhờ em trai là Nguyễn Hải Tr (Nguyễn Văn Ch) đứng tên đấu đất. Ông Tr thời điểm này đang là bộ đội H, công tác ngoài đảo nên mọi thủ tục đều do ông Ng và nhờ em trai là Nguyễn Văn M chứng kiến việc đấu đất. Toàn bộ tiền đấu giá đất là của vợ chồng bà, do chồng bà là ông Nguyễn Văn Ng nộp. Lần đầu nộp tiền đặt cọc vào ngày 4-12-2005 là 5.000.000 đồng; sau khi trúng đấu giá nộp tiếp 44.086.000 đồng vào ngày 10-01-2006; sau đó các khoản tiền trên chuyển thành tiền Lệ phí trước bạ; theo Biên lai thu lệ phí trước bạ ngày 10-02-2006 thì vợ chồng bà phải nộp là 48.600.000đ, số tiền thừa thì vợ chồng bà nhận về. Vợ chồng bà đã trúng đấu giá lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m², địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Việc nhờ ông Tr đứng tên mua đất đã lập thành văn bản "Giấy ủy quyền mua và sử dụng đất ở" vào ngày 15-12-2005. Trong giấy này đã thể hiện rõ nội dung ông Nguyễn Văn Ng thanh toán mọi khoản tiền đấu giá đất cho UBND xã T và được toàn quyền sử dụng mảnh đất nói trên; giấy ủy quyền này có người làm chứng là ông Nguyễn Văn M (em trai ông Ng và ông Tr) ký, có ký xác nhận của Phó Chủ tịch UBND xã T thời điểm đó là ông Vũ Thế Ng (anh trai bà V).

Do giấy tờ đấu giá đất ghi tên Nguyễn Hải Tr nên thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Hải Tr. Toàn bộ các giấy tờ của thửa đất và GCNQSD đất do vợ chồng bà giữ, trước khi ông Ng chết khoảng 1 tháng thì ông Ng có mang GCNQSD đất đến UB xã để làm thủ tục sang tên nhưng chưa kịp làm thì ông Ng chết. Hiện bà không biết GCNQSD đất do ai giữ.

Sau khi trúng đấu giá đất, vợ chồng bà quản lý sử dụng trồng cây hoa màu trên đất, năm 2010 có xây móng nhà trên, đất hiện nay vẫn còn.

Ngày 07/02/2021 ông Nguyễn Văn Ng chết không để lại di chúc. Sau khi ông Ng chết gia đình đã tổ chức họp gia đình ngày 29/3/2021 để thống nhất và phân chia tài sản là tiền, vàng của bà và ông Ng để lại. Riêng 2 thửa đất và tài sản trên đất chưa phân chia.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Xác định thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² (Trong đó đất ở 215m²; đất vườn trồng cây lâu năm 99m²) xã T, huyện V, tỉnh Nam Định là tài sản chung của vợ chồng bà và ông Nguyễn Văn Ng.

- Xác định Lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987 xã T, diện tích 120m² đất ở, thuộc khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và công trình xây dựng trên đất (móng nhà) là tài sản chung của vợ chồng bà và ông Nguyễn Văn Ng.

- Xác định 02 gian nhà mái bằng 01 tầng cùng toàn bộ công trình phụ, bếp và

tường bao, mái tôn, sân trên thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² là tài sản chung của vợ chồng bà và ông Nguyễn Văn Ng.

- Chia tài sản chung của vợ chồng bà và ông Nguyễn Văn Ng mỗi người 1/2 tổng tài sản. Phần tài sản của ông Ng chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của ông Ng là bà, ông Kh, anh Th, anh Ng, chị Ng.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Hải Tr đối với lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Bà và chị Ng cần một nơi ở cho độc lập, tránh mâu thuẫn với anh Th và anh Ng, bà đề nghị Tòa án chia cho bà 01 thửa đất để mẹ con bà lấy nơi làm ăn sinh sống, thửa đất còn lại sẽ giao cho anh Ng và anh Th, bên nào được nhận tài sản có giá trị lớn hơn thì phải thanh toán chênh lệch cho bên kia.

Đối với phần đóng góp tiền của, công sức của bà vào việc tu sửa 03 gian nhà mái bằng và 01 gian buồng lòi mái bằng do ông Ng và bà V xây dựng, bà không yêu cầu giải quyết phân chia.

Bà H không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Th vì những căn cứ sau:

- Thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² (Trong đó đất ở 215m²; đất vườn trồng cây lâu năm 99m²) xã T, huyện V, tỉnh Nam Định đã được ông Kh lập văn bản tặng cho vợ chồng bà, vợ chồng bà đã được cấp GCNQSD đất hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 460 triệu đồng trong 2 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định là tài sản riêng của bà. Vì khi ông Ng còn sống, ông bà đã thỏa thuận phân chia tiền, ông Ng gửi tiết kiệm 3 sổ đứng tên ông Ng, bà gửi tiết kiệm 2 sổ đứng tên bà. Vì vậy sau khi ông Ng chết các đồng thừa kế chỉ thỏa thuận phân chia số tiền trong 3 sổ tiết kiệm đứng tên ông Ng là hơn 350 triệu đồng. Còn số tiền của bà trong 2 sổ tiết kiệm không ai tranh chấp, sau đó bà đã chuyển trả nợ toàn bộ số tiền 460 triệu cho ông Phòng, đến nay bà không còn giữ khoản tiền này.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Th và anh Nguyễn Văn Ng (anh Ng ủy quyền cho anh Th) trình bày: Bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn Ng và bà Vũ Thị V, ngày 30/8/2002 bà V chết. Năm 2004 ông Ng kết hôn với bà Phạm Thị H, ngày 07/02/2021 ông Ng chết. Ông Ng và bà V chết không để lại di chúc.

Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Kh (ông nội anh), ông Kh cho bố mẹ anh (ông Nguyễn Văn Ng và bà Vũ Thị V) ngay sau khi bố mẹ anh kết hôn năm 1992. Khi ông Kh cho đất bố mẹ anh thì diện tích đất lúc đó khoảng 280m², thuộc loại đất gì thì anh không biết. Nhà ông Kh lúc đó ở phía ngoài, ông Kh cho bố mẹ anh diện tích đất ở phía trong đường đi vào rất nhỏ. Thời điểm đó nhà ông Kh

và ông K (ông ngoại anh) ở liền kề nhau. Năm 1993 bố anh xây dựng 01 gian buồng trên đất ông Kh cho và xin ngõ đi từ đất của ông K. Năm 1999 bố anh xây 03 gian nhà mái bằng 01 tầng trên diện tích đất ông Kh cho và lại xin thêm ông K 10m² để đi ra lối sau. Vì khi xây nhà phần ngõ đi vào rất nhỏ nên ông K cho bố mẹ anh khoảng 10m² đất kéo dài theo ngõ khoảng 2/3 diện tích đất (tức đến khu sân hiện tại), đến năm 1999 bố mẹ anh xây dựng thêm 01 gian buồng mái bằng liền kề với 03 gian nhà mái bằng, thời điểm này ông K cho tiếp bố mẹ anh khoảng 10m² đất cũng theo Ch ngõ đi hướng từ đông S tây. Như vậy tổng diện tích đất ông K cho bố mẹ anh khoảng 20m² đất.

Về phần tài sản là 04 gian nhà mái bằng (gồm 03 gian nhà ngoài và 01 gian buồng lòi) là do bố mẹ anh (ông Ng và bà V) xây dựng như bà H trình bày là đúng. Bà H cùng bố anh có sửa lại nhà (gồm trát lại tường phía trong ngoài, thay cánh cửa ...) nhưng bà H không đề nghị giải quyết phân chia 04 gian nhà này, anh cũng nhất trí.

Phần tài sản bà H và bố anh (ông Ng) xây dựng mới gồm 01 gian mái bằng công trình phụ khép kín hiện nay vợ chồng anh Ng đang ở và 01 gian nhà mái bằng hiện anh đang ở cùng toàn bộ công trình phụ, bếp và tường bao, sân, mái tôn như bà H trình bày là đúng. Tuy nhiên khi bà H và bố anh xây dựng thì anh và anh Ng có đóng góp, cụ thể: Anh đưa cho bố anh 50.000.000 đồng tiền mặt vào năm 2019 khi lát sân và làm mái tôn sân, anh đưa tiền trực tiếp cho ông Ng không có ai chứng kiến. Ngoài ra anh được biết anh Ng cũng có đóng góp tiền sơn và tiền công nhưng cụ thể bao nhiêu anh không biết.

Anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và yêu cầu phản tố như sau:

- Xác định thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định là tài sản chung của bố mẹ anh (ông Ng và bà V). Đề nghị Tòa án xác định phần tài sản của bố mẹ anh để lại và chia di sản của bố mẹ anh theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của mẹ anh gồm: Ông ngoại anh là Vũ Thế K (bà ngoại anh đã chết), anh và anh Nguyễn Văn Ng. Hàng thừa kế thứ nhất của bố anh gồm: Bà H, anh, anh Ng, chị Ng và ông nội anh là Nguyễn Văn Kh (bà nội anh đã chết)

Anh có nguyện vọng là anh và anh Ng sẽ nhận toàn bộ nhà đất trên và thanh toán lại giá trị tài sản cho những người đồng thừa kế khác.

- Ngoài ra bà Phạm Thị H còn mở tài khoản để gửi tiết kiệm tại hai ngân hàng là: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định (Viettinbank) với số tiền 250.000.000 đồng; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Định (Agribank) với số tiền 200.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền 250.000.000 đồng, giấy lĩnh tiền ghi ngày 14/01/2020 đứng tên bà Phạm Thị H tại Viettinbank. Thực tế anh cũng không biết khoản tiền này sau khi bố anh chết còn không, anh đề nghị Tòa án xác minh về khoản tiền này.

Nếu bà H rút sau ngày bố anh chết thì anh đề nghị xác định phần tài sản của bố anh là di sản thừa kế để phân chia theo pháp luật.

Đối với khoản tiền 200.000.000đ gửi tại Agribank, anh không biết chính xác thời gian gửi cụ thể nhưng anh biết bà H gửi vào khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến khoảng tháng 2/2021, thời điểm này bố anh đang ốm. Anh về thăm bố và bố có nói là bà H đi gửi tiền ngân hàng, còn cụ thể anh không nắm được. Anh cũng đề nghị Tòa án xác minh về số tiền này, nếu có số tiền này thì anh đề nghị xác định phần tài sản của bố anh là di sản thừa kế để phân chia theo pháp luật.

- Anh đề nghị giải quyết phân chia đất nông nghiệp của ông Ng và bà V để lại theo quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu của bà H về lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định mang tên Nguyễn Hải Tr (tức Nguyễn Văn Ch): Đây là tài sản riêng của chú anh là ông Nguyễn Văn Ch, anh không có quyền gì đối với tài sản này nên anh không có ý kiến gì.

Ông Nguyễn Văn Ch (Tr) đã chết ngày 18-7-2022 do bị bệnh ung thư, ông Ch (Tr) có 02 người vợ. Vợ thứ nhất là Y ở Th - Hải Phòng đã ly hôn năm nào anh không biết (ly hôn sau khi đấu giá đất), ông Ch và bà Y có 01 con chung là Nguyễn Hải A hiện nay đang học Đại học. Vợ thứ 2 là Phạm Thị H có 01 người con chung là Nguyễn Quyết Th, sinh năm 2015, hiện nay bà H và cháu Th đang sinh sống tại thôn 13, xã Ng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Trong quá trình giải quyết anh Th rút yêu cầu phản tố về việc giải quyết phân chia đất nông nghiệp của ông Ng và bà V để lại.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/7/2023 anh Th có ý kiến: Anh mới đấu giá được thửa đất diện tích 190m² tại xã T, cách thửa đất đang tranh chấp khoảng 500m – 600m, anh đồng ý giao cho bà H được quyền sử dụng thửa đất này và bà H rút toàn bộ đơn khởi kiện, anh cũng rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Tuy nhiên bà H không chấp nhận.

Anh Th xác nhận sau khi ông Ng chết thì gia đình đã tổ chức họp gia đình vào ngày 29/3/2021 để thống nhất và phân chia tài sản là tiền, vàng của bà H và ông Ng để lại, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Thành phần tham gia họp và nội dung cuộc họp như “Biên bản họp gia đình” ngày 29/3/2021 (BL 143) do bà Phạm Thị H giao nộp là đúng, anh và những người tham gia cuộc họp nhất trí ký tên, riêng ông Ch và ông Kh không ký.

* Tại bản tự khai ngày 12/6/2022, ông Nguyễn Văn Ch trình bày: Thửa diện tích 120m² tại khu vực Đ, xã T - V - Nam Định là ông mua đấu giá đất vào cuối năm 2005; được bàn giao đất thực địa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 3 năm 2006. Số tiền trúng đấu giá đất phải nộp cho nhà nước là 48.600.000 đồng từ nguồn tiền tích góp của bản thân ông. Ông có gửi anh trai là Nguyễn Văn Ng thay ông nộp hộ tiền đấu giá đất, lúc ông đưa tiền cho ông Ng có sự chứng kiến của anh chị em trong gia đình ông là chị gái Nguyễn Thị H, sinh năm 1972, trú tại:

xóm 2, xã T - V - Nam Định) và anh trai Nguyễn Văn Tr1, sinh năm 1969, trú tại: xóm 1, xã T - V - Nam Định. Do đó, thửa đất này là tài sản của cá nhân ông, không liên quan đến di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn Ng. Vì vậy ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 120m² đứng tên ông tại xã T - V - Nam Định.

Toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ liên quan đến thửa đất nêu trên trong thời gian ông ốm đau ông có gửi anh trai là Nguyễn Văn Ng nhưng bà Phạm Thị H đang giữ, nay ông đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị H phải trả cho ông. Ngày 24/9/2021 ông đã gửi đơn trình báo UBND xã T về việc mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị xin cấp lại.

* Ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông là em trai của ông Ch, khi còn sống ông Ch có ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày ngày 25/4/2022) cho ông tham gia tố tụng tại Tòa án để xác định lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m², địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định là tài sản của ông Ch. Ngày 18/7/2022 ông Ch chết. Sau đó ông nhận sự ủy quyền của bà Y, chị A, bà H là vợ con của ông Ch để tham gia tố tụng tại tòa án.

Ông được biết là ông Ch nhờ ông Ng đứng ra đấu giá thửa đất này cho ông Ch vì thời điểm đó ông Ch đang công tác ngoài đảo không về tham gia đấu giá đất được. Ông Ch có nói với ông là số tiền đấu giá đất do ông Ch chuyển về cho ông Ng nộp hộ, còn ông Ch chuyển tiền bằng cách nào cho ông Ng thì ông không được biết, thời điểm này ông Ch đang công tác tại Lữ đoàn 126 Quân chủng H , xã Tr - Th - Hải Phòng.

Còn lại những nội dung khác ông Ch đã có bản tự khai gửi cho Tòa án, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của ông Ch để giải quyết vụ án.

Ông xác định lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m², địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn Ch (tức Nguyễn Hải Tr), không phải là tài sản chung của ông Ch với bà Y và bà H, vì ông Ch đấu thầu thửa đất trên vào thời gian ông Ch sống ly thân với bà Nguyễn Hải Y (vợ cả), sau đó ông Ch đã ly hôn với bà Y và kết hôn với bà H.

Vì vậy ông không nhất trí với yêu cầu của bà Phạm Thị H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m², địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định đứng tên Nguyễn Hải Tr và xác định thửa đất này là tài sản chung của ông Ng và bà H.

Ông xác nhận sau khi ông Ng chết thì gia đình đã tổ chức họp gia đình vào ngày 29/3/2021 để thống nhất và phân chia tài sản là tiền, vàng của bà H và ông Ng để lại. Thành phần tham gia họp và nội dung cuộc họp như “Biên bản họp gia đình” ngày 29/3/2021 (BL143) do bà Phạm Thị H giao nộp là đúng, anh và những người tham gia cuộc họp nhất trí ký tên, riêng ông Ch và ông Kh không ký.

* Ông Vũ Thế K và người đại diện theo ủy quyền của ông K (anh Anh Th) trình bày: Ông K xác định có cho con gái là bà Vũ Thị V (vợ cả ông Ng) diện tích đất là 20m². Quan điểm của ông K là cho đất con gái (bà V), nhưng sau đó đất đã đứng tên ông Ng và bà H. Đến nay ông K không đòi lại đất và đề nghị Tòa án giải quyết phân chia theo quy định của pháp luật. Nếu Tòa án xác định đất ông cho bà V thuộc quyền sử dụng của bà V và chia thừa kế cho ông thì ông tặng cho lại toàn bộ anh Th và anh Ng (cháu ngoại ông).

* Ông Nguyễn Văn Kh và người đại diện theo ủy quyền của ông Kh (ông Nguyễn Văn M) trình bày: Ông Kh là bố đẻ của ông Nguyễn Văn Ng, thừa đất số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nguồn gốc là của ông Kh. Ông Kh cho vợ chồng ông Ng và bà V từ năm 1993 nhưng chỉ nói miệng chứ không có văn bản giấy tờ gì, vợ chồng ông Ng và bà V đã làm nhà trên đất từ năm 1993. Vì vậy đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng thửa đất trên là của ông Ng và bà V. Nếu ông Kh được hưởng di sản thừa kế của ông Ng để lại thì ông Kh tặng cho toàn bộ anh Ng và anh Th (Cháu nội ông)

* Chị Nguyễn Thị Thanh Ng trình bày: Sau khi bố chị là ông Nguyễn Văn Ng chết, thì buổi sáng ngày 29/03/2021, cả nhà chị gồm mẹ chị là Phạm Thị H, anh Anh Th, anh Nguyễn Văn Ng, chị, cùng với sự tham gia của ông nội chị là Nguyễn Văn Kh, các chú của chị là Tr1, Ch (Tr), Sang, M đã tiến hành mở kết của bố chị và thống nhất lập biên bản ghi nhận tài sản của bố mẹ chị. Trong đó chị được biết, tài sản bố mẹ chị đang có là: 02 thẻ tiết kiệm 200 triệu đồng, khoảng 03-4 thẻ tiết kiệm còn lại và tiền mặt là 330 triệu đồng, 01 dây chuyền vàng, 02 nhẫn vàng và một mảnh giấy có chữ của bố chị ghi là Phạm Thị H 250 triệu đồng. Sau khi đã soát xong tài sản của bố mẹ chị thì cả nhà thống nhất chia: Mẹ chị là Phạm Thị H giữ 01 thẻ tiết kiệm 200 triệu đồng, anh Th giữ 01 thẻ tiết kiệm 200 triệu đồng, trả chú Ch 02 cây vàng ta, trả ông nội chị là Nguyễn Văn Kh 05 chỉ vàng ta và 09 triệu đồng tiền mặt, cho anh Ng tiền mặt là 40 triệu đồng để trả nợ. Số tiền còn lại và vàng thì mẹ chị là Phạm Thị H giữ lại để nuôi chị ăn học. Mẹ chị cũng nói “đất Đ anh nào làm nhà trước mẹ cho”. Xe máy Ablade của bố chị để lại thì để sử dụng chung. Sau khi thống nhất về tài sản và chia tài sản thì cả nhà đều nhất trí, không ai có ý kiến gì khác, mọi người cùng ký biên bản, lúc đó ông nội chị là Nguyễn Văn Kh và chú Ch ốm mệt nên đi sang nhà ông chị để nằm nghỉ ngơi nên ông Kh và chú Ch không ký biên bản.

Chị Ng đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, chị tự nguyện tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế mà chị được hưởng cho mẹ chị là bà H được quyền sở hữu và sử dụng.

* Ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông là em trai ông Nguyễn Văn Ng và ông Nguyễn Văn Ch (Nguyễn Hải Tr). Năm 2005 ông Ch có nhờ ông tham gia đấu giá đất, ông là người bỏ giá đất và trúng đấu giá lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m², tại khu vực Đ, xã Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Ông

chỉ ký xác nhận biên bản trúng đấu giá đất (ký tên Nguyễn Hải Tr) còn các thủ tục giấy tờ khác do ông Nguyễn Văn Ng làm. Ông thừa nhận có ký vào "Giấy ủy quyền mua và sử dụng đất ở" vào ngày 15-12-2005 giữa ông Ch và ông Ng. Mặc dù giấy ủy quyền không có chữ ký của ông Ch nhưng do tin tưởng anh em nên khi ông Ng đưa thì ông ký luôn, không xem kỹ nội dung. Ông Vũ Thế Ng (anh trai bà V – là vợ cả của ông Nguyễn Văn Ng) thời điểm đó là Phó Chủ tịch UBND xã T cũng vì anh em tin tưởng nên ký xác nhận vào Giấy ủy quyền.

Ông M xác nhận sau khi ông Ng chết thì gia đình đã tổ chức họp gia đình vào ngày 29/3/2021 để thống nhất và phân chia tài sản là tiền, vàng của bà H và ông Ng để lại. Thành phần tham gia họp và nội dung cuộc họp như “Biên bản họp gia đình” ngày 29/3/2021 (BL 143) do bà Phạm Thị H giao nộp là đúng, Ông và những người tham gia cuộc họp nhất trí ký tên. Ông Kh có tham gia họp nhưng ngồi một lúc thì mệt nên về nhà không ký biên bản, ông Ch cũng không ký biên bản. Chính ông là người viết biên bản cuộc họp.

Ngoài ra ông M còn chứng kiến việc ông Kh gửi ông Ng giữ hộ số tiền 05 triệu đồng, ông Ch gửi ông Ng giữ hộ số tiền 34 triệu đồng tương đương với 01 cây vàng vào ngày 16/8/2018. Ông là người ghi vào giấy biên nhận ngày 16/8/2018 (BL 370) với nội dung “Em M ghi nhận hộ anh Tr” và ký tên Nguyễn Văn M.

* Nguyễn Văn Tr1 trình bày: Ông là em trai ông Nguyễn Văn Ng và anh trai ông Nguyễn Văn Ch (Nguyễn Hải Tr). Khoảng năm 2005 ông Ch có nhờ ông Ng đấu giá đất tại khu vực Đ và trúng đấu giá lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² tại xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Ông Ch mang tiền về đưa trực tiếp cho ông Ng tại nhà ông Kh, ông chứng kiến ông Ch đưa cho ông Ng cục tiền bọc trong giấy báo, cụ thể bao nhiêu ông không biết. Hôm đó ngoài ông ra còn có ông M (em trai ông Ch) và bà Nguyễn Thị H (chị gái ông Ch) chứng kiến việc giao tiền giữa ông Ch và ông Ng.

Ông Ng là người quản lý sử dụng thửa đất ở Đ để trồng cây hoa màu. Sau đó ông Ng có nhờ ông Nguyễn Văn S (em trai ông Ng) xây quán bán hàng trên đất diện tích khoảng 12m² nhưng xây xong phần móng thì dừng lại, hiện nay vẫn còn móng nhà trên đất, ông Ng là người tiếp tục quản lý sử dụng đất đến khi chết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Ch do ông Ng quản lý.

Theo ông Tr1 thì thửa đất 120m² ở Đ là của ông Ch nhờ ông Ng làm hồ sơ thủ tục đấu giá hộ, tiền đấu giá đất là của ông Ch đưa cho ông Ng nộp hộ, do ông Ch không ở quê nên nhờ ông Ng trông coi quản lý hộ thửa đất.

Ông Tr1 xác nhận sau khi ông Ng chết thì gia đình đã tổ chức họp gia đình vào ngày 29/3/2021 để thống nhất và phân chia tài sản là tiền, vàng của bà H và ông Ng để lại. Thành phần tham gia họp và nội dung cuộc họp như “Biên bản họp gia đình” ngày 29/3/2021 (BL 143) do bà Phạm Thị H giao nộp là đúng, ông và những người tham gia cuộc họp nhất trí ký vào biên bản. Ông Tr hôm đó có mặt nhưng vì

ôm mệt nên về nhà ông Kh (cách nhà ông Ng 10 mét) nên không ký biên bản, ông Kh có tham gia họp nhưng không ký biên bản.

Đối với thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nguồn gốc là của ông Kh. Ông Kh cho vợ chồng ông Ng và bà V nhưng chỉ nói miệng chứ không có văn bản giấy tờ gì.

* Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là em ông Nguyễn Văn Ng và chị ông Nguyễn Văn Ch (Nguyễn Hải Tr). Ông Ch đi bộ đội từ khoảng năm 1993 đóng quân tại Hải Phòng, lấy vợ và sinh sống tại Hải Phòng đến khi chết, mỗi năm ông Ch về quê (xã T - V) từ 1 đến 2 lần

Khoảng năm 2005 ông Ch có nhờ ông Ng đứng ra làm thủ tục hồ sơ giấy tờ đấu giá đất tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Ông Ch mang tiền về đưa cho ông Ng tại nhà ông Kh, thời gian cụ thể bà không nhớ, ông Ch trực tiếp đưa cho ông Ng một cục tiền khoảng 50 triệu đồng, mệnh giá 500.000đ, buộc thành tập (không bọc trong giấy tờ, bao bì gì). Hôm đó ngoài bà còn có ông Kh (bố bà) và ông Tr1 (anh trai ông Ch) chứng kiến việc giao tiền giữa ông Ch và ông Ng. Sau đó mọi thủ tục giấy tờ hồ sơ đấu giá đất, nộp tiền đấu giá đất là do ông Ng làm hết, khi được cấp GCNQSD đất thì ông Ng nhận và quản lý.

Vợ chồng ông Ng là người quản lý sử dụng thửa đất 120m² trúng đấu giá ở Đ để trồng cây hoa màu. Sau đó ông Ng có xây quán bán hàng trên đất khoảng diện tích khoảng hơn 10m² nhưng xây xong phần móng thì dừng lại, hiện nay vẫn còn móng nhà trên đất. Ông Ch chưa quản lý sử dụng đất thời gian nào.

Theo bà Nguyễn Thị H thì thửa đất 120m² ở Đ là của ông Ch vì ông Ch bỏ tiền ra mua, ông Ng chỉ là người làm thủ tục giấy tờ và nộp tiền hộ.

Sau khi ông Ng chết thì gia đình đã tổ chức họp để phân chia tài sản của ông Ng nhưng bà không được tham gia nên không biết cụ thể.

Về thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nguồn gốc là của ông Kh (bố bà). Ông Kh cho vợ chồng ông Ng và bà V nhưng chỉ nói miệng chứ không có văn bản giấy tờ gì. Ông Ng và bà V đã xây nhà và sinh sống trên đất, việc ông Ng và bà H kê khai để được cấp GCNQSD đất như thế nào bà không biết.

* Ông Vũ Thế Ng trình bày: Ông là anh trai bà Vũ Thị V (vợ cả anh Nguyễn Văn Ng), ông là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T từ tháng 7 năm 2004 đến tháng 7 năm 2015, anh Nguyễn Văn Ng là em rể ông. Anh Nguyễn Văn Ng làm cán bộ văn phòng Đảng ủy, HĐND, UBND xã, kiêm thủ quỹ xã T từ tháng 7 năm 2004 đến tháng 5 năm 2014, trước khi chết anh Nguyễn Văn Ng làm Chủ tịch UBND T.

Năm 2005 UBND xã T có tổ chức đấu giá đất ở khu vực đường Đ, thuộc Xóm 3 xã T. Tên người đứng đơn đấu giá đất là anh Ch (Tr), người đi đấu đất thực tế là anh Nguyễn Văn M (em trai của anh Ch và anh Nguyễn Văn Ng), về nguồn tiền đấu giá đất ông không biết tiền của ai bỏ ra. Anh Ch đã trúng giá lô đất diện tích 120m²,

Phòng Tài nguyên và Môi Tr1 kết hợp với UBND xã giao đất tại thực địa, ai là người nhận đất ông không biết, nhưng theo ông nhận định chữ ký trong phần nhận đất ghi Nguyễn Hải Tr là chữ viết của anh Nguyễn Văn Ng.

Đến năm 2007 thì anh Ch bị bệnh ung thư não, gia đình nghĩ là anh Ch sẽ không qua khỏi nên anh Nguyễn Văn Ng (là anh trai anh Ch) đã tự nguyện làm 01 giấy ủy quyền sử dụng mảnh đất trúng đấu giá của anh Ch cho anh Nguyễn Văn Ng được quyền sử dụng với mục đích giữ lại mảnh đất này cho con gái anh Ch là Nguyễn Hải A - là con chung của anh Ch với chị Y, vì lúc đó chị Y là vợ cả của anh Ch đang trực trác và sống ly thân nên sợ sau này xảy ra tranh chấp. Do giấy ủy quyền không có chữ ký của anh Ch nên ông yêu cầu phải có đại diện của gia đình ký. Sau đó anh Nguyễn Văn Ng mang về cho anh Nguyễn Văn M (là em trai của anh Ch và anh Nguyễn Văn Ng) làm chứng ký vào. Anh M không ký trước mặt ông nhưng ông nhận thấy đúng là chữ ký của anh M thì ông mới ký vào phần xác nhận của UBND xã T với nội dung “Nhất trí giấy ủy quyền của Nguyễn Hải Tr cho anh trai là Nguyễn Văn Ng là đúng”. Chữ viết vào phần xác nhận và chữ ký của ông trong Giấy ủy quyền sử dụng đất ở là hoàn toàn đúng. Giấy ủy quyền ghi ngày ngày 15-12-2005 nhưng thời điểm lập giấy là năm 2007, lý do lúc đó ông không kiểm tra kỹ văn bản, không để ý cụ thể vì anh Nguyễn Văn Ng là em rể ông, do tình cảm và tin tưởng anh Ngọc nên ông đã ký vào văn bản đó.

*** Quan điểm của UBND huyện V:**

- Về thửa đất đúng tên hộ ông Nguyễn Hải Tr: lô số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² đất ở.

Hộ ông Nguyễn Hải Tr được UBND huyện giao đất theo Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 10/3/2006. Nguồn gốc do trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại cuộc đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở ngày 04/12/2005, số tiền trúng đấu giá là 48.600.000 đồng. Ông Tr đã nộp tiền sử dụng đất tại biên lai số 07701 ngày 10/02/2006, số tiền 48.600.000 đồng; Biên lai thu Lệ phí trước bạ số 1048 ngày 10/02/2006, số tiền 486.000 đồng. Hộ ông Tr được giao đất tại thực địa ngày 29/3/2006. Hộ ông Nguyễn Hải Tr đã được UBND huyện V cấp GCN quyền sử dụng đất, GCN quyền sử dụng đất đã bàn giao cho hộ lưu giữ.

Việc UBND huyện V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Hải Tr - là hộ đã trúng đấu giá được UBND huyện giao đất theo Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 10/3/2006 là đúng.

- Về thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² (Trong đó đất ở 215m², đất vườn trồng cây lâu năm 99m²), đăng ký chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Ng cùng với vợ là bà Phạm Thị H, đã được UBND huyện cấp GCN theo quyết định 3500/QĐ-UBND ngày 18/12/2010. Sổ vào sổ CH: 00379/3500/QĐ-UBND, seri số BD 643209.

Nguồn gốc: Theo hồ sơ kê khai năm 2007, thửa đất được hình thành trước khi đo đạc bản đồ năm 2007, được đo đạc theo hiện trạng mang số thửa 109, tờ bản đồ

số 12, ông Ng đã kê khai đăng ký. Hồ sơ kèm theo đơn là Cam kết tặng cho quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Kh, thửa đất được đăng ký trên hồ sơ địa chính 299 (bản đồ năm 1988).

Quy trình lập hồ sơ, xét duyệt, tổ chức công khai, kết thúc công khai đã được Hội đồng đăng ký đất đai xã T thực hiện đúng quy định, quá trình công khai không ai có ý kiến thắc mắc, kiến nghị gì. Từ khi được cấp GCN quyền sử dụng đất đến khi ông Ng chết (07/02/2021) không phát sinh tranh chấp.

Việc ông Ng kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² (Trong đó đất ở 215m², đất vườn trồng cây lâu năm 99m²) và UBND huyện V cấp GCNQSD đất cho ông Ng và bà H là đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

* Ủy ban nhân dân xã T cung cấp:

Ông Nguyễn Văn Ng sinh năm 1966, chết ngày 07/02/2021, trước khi chết ông Ng là Chủ tịch UBND xã T. Thời điểm 2005 – 2006 ông Ng là cán bộ Văn phòng Đảng ủy, UBND xã, kiêm thủ quỹ UBND xã T. Bố ông Ng là Nguyễn Văn Kh, mẹ là Vũ Thị C đã chết năm 1990; vợ cả ông Ng là Vũ Thị V đã chết năm 2002, bố bà V là ông Nguyễn Thế K, mẹ là Nguyễn Thị H đã chết. Ông Ng và bà V có 02 con chung là Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Ng. Năm 2004 ông Ng kết hôn với bà Phạm Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh Ng.

Ông Ch (em trai ông Ng) sinh ra và lớn lên ở xã T, khoảng năm 1993 ông Ch đi bộ đội đóng quân tại Hải Phòng nên chuyển hộ khẩu ra Hải Phòng. Hiện tại địa phương không lưu giữ sổ sách liên quan đến họ tên, hộ khẩu của ông Ch nên không xác định được tên Nguyễn Văn Ch hay Nguyễn Hải Tr. Căn cứ vào Căn cước công dân số 036074000943 cấp ngày 12/8/2021 thì họ tên là Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 05/8/1974, quê quán: T – V – Nam Định, nơi thường trú: Ng – Th – Hải Phòng. Tại thời điểm đấu giá thửa đất 120m² tại khu vực Đ (2005 -2006) thì ông Ch không có hộ khẩu tại địa phương, không sinh sống tại địa phương; ông Ch công tác trong quân đội và sinh sống cùng vợ con tại Hải Phòng.

- Về thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² (Trong đó đất ở 215m², đất vườn trồng cây lâu năm 99m²) có nguồn gốc là của ông Kh (bố ông Ng), sau khi ông Ng kết hôn với bà V thì ông bà có làm nhà sinh sống trên đất, thời điểm đó đất chưa được cấp GCNQSD đất. Năm 2010 thửa đất được cấp GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Văn Ng cùng với vợ là Phạm Thị H trên cơ sở văn bản của ông Kh tặng cho đất ông Ng và bà H. Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ không có thông tin tài liệu nào thể hiện ông Vũ Thế K (bố bà V) tặng cho đất ông Ng và bà V trong thời kỳ ông Ng và bà V chung sống.

- Về thửa đất lô số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987; diện tích 120m² đất ở, đứng tên hộ ông Nguyễn Hải Tr:

Năm 2005 địa phương tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất một số lô đất tại khu vực Đ, người đứng tên trong các giấy tờ hồ sơ đấu giá đất là Nguyễn Hải Tr, nhưng ông Nguyễn Văn Ng là người trực tiếp làm các thủ tục và nộp tiền đấu giá đất. Việc ông Ch đưa tiền cho ông Ng đấu đất hộ hay ông Ng nhờ ông Ch đứng tên hộ địa phương không biết, đây là việc nội bộ gia đình ông Ng.

Giấy CNQSD đất tên hộ Nguyễn Hải Tr hiện tại địa phương không lưu giữ. Tại thời điểm trước khi ông Ng chết khoảng 01 tháng thì ông Ng có nhờ cán bộ địa chính xã đính chính tên trong GCNQSD đất nhưng chưa kịp làm thì ông Ng chết.

Trong thời gian ông Ng quản lý sử dụng thửa đất 120m² tại khu vực Đ thì ông Ng có xây dựng móng nhà diện tích khoảng 15m² để làm quán bán hàng, hiện tại trên đất vẫn còn móng nhà này. Ngoài thửa đất 120m² đang tranh chấp thì ông Ng và bà H không đứng tên thửa đất nào tại khu vực Đ, xã T.

* Lữ đoàn 126 Quân chủng H cung cấp:

Thời điểm 2005 – 2006 ông Nguyễn Văn Ch công tác tại Đoàn 126 quân chủng H, nay là Lữ đoàn 126 Quân chủng H, cấp bậc Trung úy quân nhân chuyên nghiệp, đến tháng 02/2022 được giải quyết phục viên. Đơn vị không nắm bắt được việc ông Ch có tham gia đấu giá đất ở quê (xã T - V - Nam Định) hay không. Tại bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu ngày 28/02/2021, ông Ch không kê khai diện tích đất 120m², thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, địa chỉ xã T – V - Nam Định.

* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Định cung cấp: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1967, số CMND 161815279, cấp ngày 02/09/1987, nơi cấp CA Nam Định; địa chỉ: Xóm 1 - T - V Nam Định. Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến thời điểm trước ngày 07/02/2021 không phát sinh tiền gửi tại ngân hàng.

* Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định cung cấp:

- Ngày 26/05/2021 bà Phạm Thị H gửi mang sổ tiết kiệm có số TK 229012661940 - số tiền 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), số seri thẻ tiết kiệm CA 10802404, ngày phát hành 28/01/2021 - ngày đến hạn 28/01/2022, chuyển quyền sở hữu cho ông Phạm Xuân Ph, Số CCCD: 036065005640, cấp ngày 25/06/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, địa chỉ: Thị trấn G - V - Nam Định. Giao dịch viên đã thực hiện chuyển quyền sở hữu cho ông Phạm Xuân Ph có số TK 229012661940 - số tiền 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), số seri thẻ tiết kiệm CA 13186402, ngày phát hành 28/01/2021 – ngày đến hạn 28/01/2022.

- Ngày 26/05/2021 bà Phạm Thị H gửi mang sổ tiết kiệm có số TK 225011878789, ngày phát hành 25/08/2020 - ngày đến hạn 28/08/2021, chuyển quyền sở hữu số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), số seri thẻ tiết kiệm CA 10794338 cho ông Phạm Xuân Ph - địa chỉ: Thị trấn G - V - Nam Định, số CCCD: 036065005640, cấp ngày 25/06/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Giao

dịch viên đã thực hiện chuyển quyền sở hữu cho ông Phạm Xuân Ph có số TK 225011878789 - số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), số seri thẻ tiết kiệm CA 13186403, ngày phát hành 25/08/2020 – ngày đến hạn 25/08/2020.

* Kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản:

1. Thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² (trong đó đất ở 215m²; đất vườn trồng cây lâu năm 99m²). Trị giá 265.425.000đ (Trong đó đất ở trị giá 1.200.000đ/1m² x 215m² = 258.000.000đ; đất vườn trị giá 75.000đ/1m² x 99m² = 7.425.000đ)

- Các công trình xây dựng trên thửa đất 109 gồm:

+ Nhà mái bằng còn 10% giá trị = 12.565.000đ

+ Gian buồng mái bằng còn 10% giá trị = 1.659.000đ

+ Bếp còn 10% giá trị = 2.700.000đ

+ Mái tôn (bán mái) diện tích 80m², khấu hao 8%, trị giá 134.149.000đ.

+ 02 téc nước, khấu hao 50%, trị giá 3.600.000đ

+ Mái tôn chạy dọc nhà, diện tích 4,62m², làm năm 2020, trị giá 6.522.000đ

+ Nhà mái bằng số 2, diện tích 32m², xây dựng năm 2017, trị giá 11.830.000đ.

+ Trụ cổng xây dựng năm 2017, trị giá 462.000đ

+ Cánh cổng sắt trị giá 139.600đ.

+ Tường bao xây gạch bi, giá trị còn lại 3.000.000đ.

2. Thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² đất ở, trị giá 1.300.000.000đ.

Công trình xây dựng trên đất: Móng xây đá hộc, mặt móng rộng 0,5m đổ rãnh bê tông cốt thép, dài 17m, cao 2m, xây năm 2010.

Khối xây đá hộc 17m³, giá trị còn lại 2.000.000đ

Khối bê tông cốt thép, giá trị còn lại 1.176.000đ.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày, quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Bà H đề nghị Hội đồng xét xử chia cho bà được quyền sử dụng thửa đất 304 có diện tích 120m², chia cho anh Th và anh Ng sử dụng thửa đất 109 có diện tích 314m², bà sẽ trả chênh lệch giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, anh Th đề nghị chia cho anh và anh Ng được quyền sử dụng chung toàn bộ thửa đất 109 có diện tích 314m² và trả chênh lệch giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác. Ông K tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của ông được hưởng cho anh Th và anh Ng.

- Ông S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với thửa đất 120m² mang tên Nguyễn Hải Tr.

- Ông M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, kỷ phần thừa kế của

ông Kh được hưởng tặng cho toàn bộ anh Th và anh Ng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trên cơ sở yêu cầu của các đương sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng, chia thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ”.

Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên căn cứ Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Về xác định tư cách đương sự trong vụ án: Nguyên đơn là bà H; bị đơn là anh Th, anh Ng, ông Ch; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Kh, ông K, chị Ng. Tuy nhiên hiện nay ông Ch đã chết, vì vậy đưa vợ và các con ông Ch vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu thừa kế: Ông Nguyễn Văn Ng chết ngày 07/02/2021, Bà Vũ Thị V chết ngày 22/01/2020. Vì vậy xác định thời hiệu yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Ng và bà V vẫn còn.

[2.2] Về diện và hàng thừa kế:

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Vũ Thị V gồm: Ông Vũ Thế K, anh Nguyễn Văn Th và anh Nguyễn Văn Ng.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Ng gồm: Bà Phạm Thị H, anh Anh Th, anh Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Thanh Ng và ông Nguyễn Văn Kh.

Ngoài ra không còn ai khác.

[2.3] Về di sản thừa kế:

[2.3.1] Về tài sản trên đất:

- Các đương sự thống nhất: Trong thời kỳ hôn nhân ông Ng và bà V tạo lập được khối tài sản chung gồm: Căn nhà mái bằng 1 tầng (gồm 03 gian nhà ngoài và

01 gian buồng lòi) trên thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Trong thời kỳ hôn nhân ông Ng và bà H tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 gian nhà mái bằng công trình phụ khép kín, 01 gian nhà mái bằng cùng toàn bộ công trình phụ, bếp, tường bao, mái tôn, sân trên thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Các đương sự không thống nhất: Anh Th khai năm 2019 anh có đưa cho ông Ng 50.000.000 đồng tiền mặt để lát sân và làm mái tôn sân, anh Ng có đóng góp tiền sơn và tiền công vào việc xây dựng các công trình; bà H xác định anh Th và anh Ng không đóng góp công sức tiền của vào việc xây dựng các công trình của vợ chồng bà. Ngoài lời khai thì anh Th không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3.2] Về đất:

* Về thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² (Trong đó đất ở 215m²; đất vườn trồng cây lâu năm 99m²) tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Nguồn gốc thửa đất là của ông Nguyễn Văn Kh (bố ông Ng). Năm 2004 ông Ng kết hôn với bà H, ông bà đã làm nhà và sinh sống trên đất của ông Kh. Năm 2007 ông Kh lập văn bản tặng thửa đất cho ông Ng và bà H, sau đó ông Ng đã kê khai đăng ký và đã được UBND huyện cấp GCN theo quyết định 3500/QĐ-UBND ngày 18/12/2010. Sổ vào sổ CH:00379/3500/QĐ-UBND, seri số BD 643209 đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Thị H. Quy trình lập hồ sơ, xét duyệt, tổ chức công khai, kết thúc công khai đã được Hội đồng đăng ký đất đai xã T thực hiện đúng quy định, quá trình công khai không ai có ý kiến thắc mắc, kiến nghị gì. Sau khi được cấp GCN quyền sử dụng đất không phát sinh tranh chấp. Vì vậy xác định thửa đất 109, tờ bản đồ số 12 diện tích 314 m² là tài sản chung hợp pháp của ông Ng và bà H.

Anh Th cho rằng ông Nguyễn Văn Kh đã cho bố mẹ anh (ông Ng và bà V) thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² ngay sau khi bố mẹ anh kết hôn năm 1992, ngoài ra ông K (bố bà V) còn cho bố mẹ anh khoảng 20m² đất nhưng không có căn cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

* Về thửa đất lô số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² đất ở, tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Bà H khai: Năm 2005, gia đình bà có nhu cầu về đất ở nên mua đấu giá thửa đất thuộc khu vực Đ, xã T. Thời điểm này ông Nguyễn Văn Ng (chồng bà) đang làm cán bộ UBND xã T, vì lý do tránh điều tiếng nên có nhờ em trai là ông Nguyễn Văn Ch (Nguyễn Hải Tr) đứng tên đấu giá đất. Ông Ch thời điểm này đang là bộ đội H , công tác ngoài đảo nên mọi thủ tục đấu giá đất đều do ông Ng thực hiện và nhờ em trai là Nguyễn Văn M làm chứng và chứng kiến việc đấu giá đất. Tiền đấu giá đất là của vợ chồng bà, người nộp toàn bộ số tiền mua đất là ông Nguyễn Văn Ng (chồng bà). Lần đầu nộp tiền đặt cọc vào ngày 4-12-2005 là 5.000.000 đồng; sau khi trúng

đấu giá nộp 44.086.000 đồng vào ngày 10-01-2006; sau đó các khoản tiền trên chuyển thành tiền Lệ phí trước bạ theo Biên lai thu lệ phí trước bạ ngày 10-02-2006 thì vợ chồng bà phải nộp 48.600.000đ; số tiền thừa thì vợ chồng bà nhận về. Việc nhờ ông Ch đứng tên mua đất đã lập thành văn bản “Giấy ủy quyền mua và sử dụng đất ở” ngày 15-12-2005. Trong giấy ủy quyền đã thể hiện rõ ông Ch ủy quyền lại cho anh trai là Nguyễn Văn Ng nộp toàn bộ tiền đấu giá đất và có toàn quyền sử dụng mảnh đất nói trên. Giấy ủy quyền có người làm chứng là ông Nguyễn Văn M (em trai ông Ng và ông Ch) ký, có xác nhận của Phó Chủ tịch UBND xã T thời điểm đó là ông Vũ Thế Ng (anh của bà V – vợ cả ông Ng). Sau khi trúng đấu giá, vợ chồng bà đã quản lý sử dụng trồng cây trên đất, năm 2010 vợ chồng bà có xây quán bán hàng nhưng xây xong móng thì dừng lại không xây nữa. Giấy CNQSD đất do ông Ng giữ, đến trước khi ông Ng chết khoảng 1 tháng ông Ng có mang ra xã để làm thủ tục sang tên nhưng chưa kịp làm thì ông Ng chết.

Ông Ch và người đại diện cho ông Ch khai: Thửa đất diện tích 120m² tại khu vực Đ, xã T - V - Nam Định là do ông Ch mua đấu giá đất vào thời điểm cuối năm 2005; được bàn giao đất thực địa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 3 năm 2006, nguồn tiền mua đất là do tích góp của bản thân ông Ch. Số tiền trúng đấu giá phải nộp cho Nhà nước là 48.600.000 đồng. Số tiền này ông Ch có gửi anh trai là Nguyễn Văn Ng thay ông nộp hộ, lúc ông Ch đưa tiền cho ông Nguyễn Văn Ng có sự chứng kiến của chị gái là Nguyễn Thị H và anh trai là Nguyễn Văn Tr1. Toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ liên quan đến thửa đất nêu trên ông Ch có gửi ông Nguyễn Văn Ng nhưng bà Phạm Thị H đang giữ. Ông Ch đã gửi đơn trình báo cho UBND xã T ngày 24/09/2021 về việc mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị xin cấp lại. Vì vậy ông Ch xác định thửa đất này là tài sản của cá nhân ông, không liên quan đến di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ng. Vì vậy ông Ch không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với thửa đất này.

Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà Phạm Thị H là có cơ sở chấp nhận, bởi các căn cứ sau:

- Do tại thời điểm đấu giá quyền sử dụng đất, ông Ng là cán bộ Văn phòng Đảng ủy, UBND, kiêm thủ quỹ xã T, là người thu tiền đấu giá đất nên ông Ng tránh điều tiếng ảnh hưởng đến công việc và nhờ em trai là ông Ch (Tr) đứng tên đấu giá đất.

- Ông Ng là người trực tiếp nộp toàn bộ số tiền đấu giá đất và nhận các biên lai, phiếu thu tiền, sau đó lưu giữ đến nay (sau khi ông Ng chết thì bà H vẫn tiếp tục lưu giữ bản gốc các giấy tờ này và đã xuất trình cho Tòa án).

- Giấy ủy quyền sử dụng đất lập năm 2005 giữa ông Ng và ông Ch, không có chữ ký của ông Ch nhưng có chữ ký của người làm chứng là ông Nguyễn Văn M (em ruột ông Ch và ông Ng) và có xác nhận của ông Vũ Thế Ng (anh bà V - là vợ cả của ông Ng) là Phó Chủ tịch UBND xã T thời điểm đó ký xác nhận. Mặc dù Giấy

ủy quyền không có chữ ký của người ủy quyền (ông Ch) nên không có giá trị pháp lý nhưng nội dung giấy ủy quyền thể hiện việc ông Ng là người bỏ tiền đầu giá đất và được quyền sử dụng đất, ông M và ông Vũ Thế Ng chứng kiến sự việc này. Ông M và ông Vũ Thế Ng thừa nhận ký vào giấy ủy quyền nhưng cho rằng do tin tưởng anh em nên không để ý nội dung, lý do này không có cơ sở chấp nhận. Vì chính ông Vũ Thế Ng là Phó chủ tịch xã, ông M là người tham gia đầu giá mảnh đất nên biết rõ thửa đất này.

- Khi được cấp GCNQSD đất thì ông Nguyễn Văn Ng là người nhận và cất giữ GCN. Do các giấy tờ đầu giá đất đều ghi tên Nguyễn Hải Tr nên GCNQSD đất đứng tên hộ ông Nguyễn Hải Tr. Trước khi ông Ng chết khoảng một tháng thì ông Ng có mang GCNQSD đất đến UBND xã T để làm thủ tục đính chính tên nhưng chưa kịp làm thì ông Ng chết. Hiện nay không biết GCNQSD đất do ai giữ, phía bị đơn cho rằng bà H giữ, bà H khai rằng ông Ng đưa cho cán bộ địa chính xã để làm thủ tục sang tên, cán bộ địa chính xã thì xác định ông Ng có trao đổi với cán bộ địa chính xã về việc mang GCNQSD đất ra đính chính tên nhưng chưa kịp mang thì ông Ng chết, hiện nay địa chính xã không lưu giữ GCNQSD đất đứng tên hộ ông Nguyễn Hải Tr.

- Sau khi nhận đất thì vợ chồng ông Ng và bà H là người quản lý sử dụng đất để trồng cây hoa màu, khoảng năm 2010 vợ chồng ông Ng xây quán bán hàng trên đất nhưng chỉ xây đến mặt móng thì dừng lại không tiếp tục xây nữa. Hiện nay vẫn còn tồn tại móng nhà trên đất (diện tích khoảng 16m², móng xây đá hộc, mặt móng rộng 0,5m, đổ rằng bê tông cốt thép, dài 17m, cao 2m)

- Sau khi ông Ng chết, ngày 29/3/2021 gia đình ông Ng gồm các thành phần: Bà H, anh Th, anh Ng, chị Ng, ông Kh, ông Tr1, ông Ch (Tr), ông M, ông S đã họp thông qua tài sản của ông Ng và bà H để lại và lấy ý kiến thống nhất các thành viên trong gia đình. Nội dung biên bản họp gia đình thể hiện các thành viên trong gia đình (bao gồm toàn bộ hàng thừa kế thứ nhất của ông Ng) và một số anh em của ông Ng tham gia chứng kiến đã thống nhất số tiền vàng của vợ chồng ông Ng và phân chia cho vợ (bà H) và các con (anh Th, anh Ng), trả lại ông Ch 02 cây vàng và trả ông Kh 05 chỉ vàng và 09 triệu đồng, số tiền vàng còn lại giao cho bà H. Ngoài ra các thành viên tham gia họp còn thống nhất ghi trong biên bản họp là: Thừa đất ở Đ (tức lô đất số 26, thửa 304, diện tích 120m² tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định) anh nào (tức anh Th, anh Ng) làm nhà trước thì mẹ (tức bà H) cho. Biên bản được các thành viên tham gia nhất trí ký tên (trừ ông Kh và ông Ch không ký). Theo bà H, chị Ng và ông Tr1 xác định thì hôm đó ông Kh và ông Ch có tham gia họp nhưng do sức khỏe yếu mệt nên về trước không ký biên bản. Ông M và ông S cũng thừa nhận hôm đó có mặt ông Kh và ông Ch nhưng không tham gia và không ký biên bản.

- Qua xác minh tại địa phương thì tại khu vực Đ, xã T, vợ chồng ông Ng và bà H không đứng tên thửa đất nào, mà chỉ có thửa đất 120m² đứng tên hộ ông Nguyễn Hải Tr các đương sự đang tranh chấp.

Như vậy có đủ cơ sở xác định vào năm 2005 vợ chồng ông Ng bà H bỏ tiền đấu giá đất và có nhờ em trai là ông Nguyễn Văn Ch (Nguyễn Hải Tr) đứng tên đấu giá lô đất số 26, thửa 304, diện tích 120m² tại khu vực Đ, xã T - V - Nam Định. Sau khi trúng đấu giá đất, vợ chồng ông Ng và bà H đã quản lý sử dụng đất, lưu giữ GCNQSD đất và các giấy tờ của thửa đất từ năm 2006 đến năm 2021 không có ai tranh chấp. Khi các đương sự chưa phát sinh mâu thuẫn và không có tranh chấp thì tại Biên bản họp gia đình ngày 29/3/2021 các đương sự đều thừa nhận thửa đất ở Đ (tức lô đất số 26, thửa 304, diện tích 120m² tại khu vực Đ, xã T- V - Nam Định) là tài sản của vợ chồng ông Ng và bà H, bà H có ý kiến tại cuộc họp là nếu anh Th hoặc anh Ng làm nhà trước thì bà cho, những người tham gia họp đều nhất trí và không ai phản đối gì.

Lời khai của ông Ch và người đại diện của ông Ch là không có cơ sở chấp nhận bởi các căn cứ sau:

- Theo căn cước công dân và hồ sơ quân nhân của ông Ch thể hiện thì ông Ch có họ tên đầy đủ là Nguyễn Văn Ch, nơi thường trú: Ng – Th – Hải Phòng, tại thời điểm đấu giá đất năm 2005 thì ông Ch không có hộ khẩu tại địa phương (xã T) mà đăng ký hộ khẩu thường trú tại nơi đóng quân là huyện Thuỷ Nguyên, TP Hải Phòng từ khi đi bộ đội (khoảng năm 1993). Nếu ông Ch nhờ ông Ng đấu giá đất hộ thì phải cung cấp thông tin họ tên, địa chỉ chính xác để cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất. Tuy nhiên các thủ tục giấy tờ và GCNQSD đất đều đứng tên hộ ông Nguyễn Hải Tr, địa chỉ cư trú tại Xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, như vậy là không phù hợp với các thông tin trong giấy tờ tùy thân của ông Ch.

- Ông Ch khai đã mang tiền đấu giá đất về đưa trực tiếp cho ông Ng tại nhà ông Ng nhưng không có căn cứ chứng minh. Ông Ch khai khi đưa tiền cho ông Ng có hai người làm chứng là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Tr1 (đều là anh em ruột của ông Ch) nên những lời khai của bà H và ông Tr1 không khách quan, mặt khác lời khai của những người này cũng có những điểm mâu thuẫn nhau. Bà H khai rằng nhìn thấy ông Ch đưa cho ông Ng một cục tiền khoảng 50 triệu đồng, mệnh giá 500.000 đồng buộc thành tập, không bọc trong giấy tờ, bao bì gì; còn ông Tr1 lại khai nhìn thấy ông Ch đưa cho ông Ng cục tiền bọc trong giấy báo, cụ thể bao nhiêu ông không biết.

- Toàn bộ quá trình làm hồ sơ thủ tục đấu giá đất, nộp tiền đấu giá đất đều do ông Ng thực hiện, GCNQSD đất và các giấy tờ liên quan đến thửa đất đều do vợ chồng ông Ng cất giữ. Từ khi được cấp đất (2006) đến trước khi xảy ra tranh chấp (2021) ông Ch không có bất cứ động thái nào thể hiện mình là chủ sử dụng thửa đất ở Đ, mặc dù hàng năm ông Ch vẫn về quê thăm bố mẹ và anh em trong gia đình. Năm 2018 ông Ch về quê gửi ông Ng giữ hộ 02 cây vàng, có viết giấy biên nhận có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn M, nhưng đối với thửa đất ở Đ và các giấy tờ liên quan đến thửa đất thì không có bất cứ văn bản giấy tờ gì giữa ông Ch với ông Ng.

- Theo cung cấp của Lữ đoàn 126 Quân chủng H – là đơn vị đóng quân của ông Ch thì tại bản kê khai tài sản lần đầu ngày 28/02/2021 ông Ch không kê khai thửa đất 304, diện tích 120m² tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Tại cuộc họp gia đình ngày 29/3/2021, bà Phạm Thị H đưa ra quan điểm là "Đất Đ anh nào làm nhà trước mẹ cho" thì các thành viên tham gia họp đều nhất trí, không ai có ý kiến phản đối gì. Hôm đó ông Ch cũng có mặt nhưng không ý kiến gì, ông M là người viết biên bản họp nhưng cũng không có ý kiến gì về thửa đất ở Đ, trong khi đó ông M khai chính ông là người đứng ra bỏ giá đấu đất hộ ông Ch. Điều này cũng phù hợp với nội dung trong Giấy ủy quyền sử dụng đất lập năm 2005 giữa ông Ng và ông Ch, có sự chứng kiến của ông M.

Như vậy không có cơ sở xác định thửa đất lô số 26, thửa 304, diện tích 120m² tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định là thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Ch (Nguyễn Hải Tr)

[2.3.3] Về số tiền gửi tiết kiệm 450 triệu đồng:

Theo anh Th khai, ông Ng và bà H có khoản tiền gửi tiết kiệm là 250.000.000 đồng đứng tên bà Phạm Thị H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định, bà H lĩnh tiền vào ngày 14/01/2020; số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Định, anh không biết chính xác thời gian gửi cụ thể nhưng anh biết bà H gửi vào khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến khoảng tháng 2/2021, thời điểm này bố anh đang ốm. Tại đơn yêu cầu phản tố anh Th đề nghị Tòa án xác minh 2 khoản tiền này, nếu bà H rút sau khi ông Ng chết thì anh đề nghị phân chia thừa kế khoản tiền này theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Định: Từ tháng 07/2020 đến tháng 2/2021 bà Phạm Thị H không phát sinh giao dịch.

Kết quả xác minh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định: Bà H đứng tên sổ tiết kiệm có số tiền 260 triệu đồng từ ngày 11/01/2019, ngày 26/5/2021 bà H đã chuyển quyền sở hữu cho ông Phạm Xuân Ph. Ngoài ra bà H còn đứng tên sổ tiết kiệm với số tiền 200 triệu đồng từ ngày 23/8/2019, ngày 26/5/2021 bà H đã chuyển quyền sở hữu cho ông Phạm Xuân Ph.

Như vậy không có khoản tiền gửi tiết kiệm 200 triệu đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Định như anh Th khai; còn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định không có khoản tiền gửi tiết kiệm nào 250.000.000 đồng như anh Th khai, chỉ có khoản tiền 260 triệu đồng và 200 triệu đồng đều đứng tên bà H; không có khoản tiền gửi tiết kiệm nào đứng tên ông Ng.

Sau khi ông Ng chết, các đồng thừa kế của ông Ng là ông Kh, bà H, anh Th, anh Ng, chị Ng đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản của ông Ng để lại, theo

đó các đồng thừa kế xác định di sản thừa kế của ông Ng để lại là 03 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn đứng tên ông Ng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định với tổng số tiền 351.160.238đ. Ngày 23/3/2021 Phòng Công chứng số 1 tỉnh Nam Định đã niêm yết về việc thỏa thuận phân chia di sản tại UBND xã T trong thời hạn 15 ngày. Sau khi hết thời hạn niêm yết, không ai có ý kiến hay đơn thư tranh chấp, khiếu nại hay tố cáo gì. Ngày 04/5/2021 Phòng Công chứng đã thực hiện việc chứng nhận văn bản thỏa thuận phân chia di sản của ông Ng để lại.

Bà H xác định khoản tiền 460 triệu đồng trong 2 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định là tài sản riêng của bà. Vì khi ông Ng còn sống, ông bà đã thỏa thuận phân chia tiền, ông Ng gửi tiết kiệm 3 sổ đứng tên ông Ng, bà gửi tiết kiệm 2 sổ đứng tên bà. Vì vậy sau khi ông Ng chết các đồng thừa kế chỉ thỏa thuận phân chia số tiền trong 3 sổ tiết kiệm đứng tên ông Ng là hơn 350 triệu đồng. Còn số tiền của bà không ai tranh chấp, sau đó bà đã chuyển trả nợ toàn bộ số tiền 460 triệu cho ông Phòng, đến nay bà không còn giữ khoản tiền này.

Tại Biên bản họp gia đình ngày 29/3/2021, các đồng thừa kế đã kiểm đếm phân chia toàn bộ tiền vàng của ông Ng và bà H thì chỉ có 2 thẻ tiết kiệm mỗi thẻ 200 triệu đồng, không có 2 sổ tiết kiệm đứng tên bà H (1 sổ 260 triệu đồng, 1 sổ 200 triệu đồng). Các đồng thừa kế đã thống nhất phân chia toàn bộ số tiền vàng là tài sản chung của ông Ng và bà H để lại cho bà H, anh Th, anh Ng; trả nợ cho ông Kh và ông Ch; số tiền vàng còn lại bà H giữ để nuôi chị Ng ăn học.

Như vậy có thể khẳng định sau khi ông Ng chết các đồng thừa kế của ông Ng là ông Kh, bà H, anh Th, anh Ng, chị Ng đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản là toàn bộ số tiền tiết kiệm của ông Ng để lại. Đối với khoản gửi tiết kiệm đứng tên bà H theo bà H xác định là tài sản riêng của bà, bà đã trả nợ hết đến nay không còn. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Th về việc phân chia thừa kế số tiền tiết kiệm 450 triệu đồng.

[2.3.4] Từ sự phân tích nêu trên, xác định tài sản riêng của bà H trong khối tài sản chung với ông Ng và di sản thừa kế của ông Ng và bà V để lại như sau:

- Tài sản riêng của bà H trong khối tài sản chung với ông Ng là: 1/2 thửa đất 109, diện tích 314m² trị giá 132.712.500đ; 1/2 công trình xây dựng trên thửa đất 109 trị giá 81.201.000đ; 1/2 thửa đất 304 diện tích 120m² và công trình xây dựng trên đất trị giá 651.588.000đ. Tổng trị giá tài sản của bà H là 865.501.500đ

- Di sản thừa kế của ông Ng để lại là: 1/2 thửa đất 109 diện tích 314m² trị giá 132.712.500đ; 1/2 công trình xây dựng do ông Ng và bà H xây dựng trên thửa đất 109 trị giá 81.201.000đ; 1/2 công trình xây dựng do ông Ng và bà V xây dựng trên thửa đất 109 trị giá 7.112.000đ; 1/2 thửa đất 304 diện tích 120m² và công trình xây dựng trên đất trị giá 651.588.000đ. Tổng trị giá di sản của ông Ng là 872.613.500đ

- Di sản thừa kế của bà V để lại là 1/2 công trình xây dựng trên thửa đất 109 do ông Ng và bà V xây dựng trị giá là 7.112.000đ.

[2.4] Phân chia di sản thừa kế:

Do ông Ng và bà V chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ng và bà V .

* Chia giá trị:

- Chia di sản thừa kế di sản thừa kế của bà V để lại là 7.112.000đ cho ông K, anh Th, anh Ng mỗi người được một kỷ phần thừa kế trị giá 2.370.600đ. Chấp nhận sự tự nguyện của ông K tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho anh Th và anh Ng, như vậy anh Th và anh Ng được hưởng toàn bộ di sản của bà V để lại là 7.112.000đ.

- Chia di sản thừa kế của ông Ng để lại là 872.613.500đ cho ông Kh, anh Th, anh Ng, bà H, chị Ng mỗi người được một kỷ phần thừa kế trị giá 174.522.700đ. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Kh tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho anh Th và anh Ng, như vậy anh Th và anh Ng được hưởng 523.568.100đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà H, như vậy bà H được hưởng 349.045.000đ.

* Chia hiện vật:

Bà H và anh Th, anh Ng đang có mâu thuẫn nhưng lại ở chung nhà đất, vì vậy bà H có nguyện vọng được sử dụng toàn bộ thửa đất 304 diện tích 120m² để bà và chị Ng làm nhà ở, tránh va chạm mâu thuẫn với anh Th và anh Ng. Anh Th và anh Ng có nguyện vọng được sử dụng chung toàn bộ thửa đất 109 diện tích 314m² cùng toàn bộ các công trình xây dựng trên đất. Nếu giá trị tài sản được chia vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng thì các đương sự đồng ý trả chênh lệch giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác. Xét nguyện vọng của các đương sự về việc chia hiện vật là phù hợp nên được chấp nhận.

- Giao cho bà Phạm Thị H được quyền sử dụng toàn bộ lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² đất ở và công trình xây dựng trên đất (móng nhà) tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định có tổng trị giá 1.303.176.000đ. Bà H phải trả chênh lệch giá trị tài sản cho anh Th và anh Ng là 86.495.000đ.

- Giao cho anh Nguyễn Văn Th và anh Nguyễn Văn Ng được quyền sử dụng chung toàn bộ thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² (Trong đó đất ở 215m²; đất vườn trồng cây lâu năm 99m²) và toàn bộ các công trình xây dựng trên đất tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định có tổng trị giá 442.051.000đ. Anh Th và anh Ng được nhận chênh lệch giá trị tài sản từ bà H là 86.495.000đ.

[2.5] Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Đối với lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² đất ở: Việc UBND huyện V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Hải Tr là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, như đã nhận định ở mục [...] có đủ căn cứ xác định thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Ng bà H, do ông Ng nhờ ông Ch (Tr) đứng tên hộ. Nay ông Ng đã chết, theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã phân chia thừa kế thừa đất và chia cho bà H được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất. Vì vậy cần tuyên hủy GCNQSD đất đã cấp đứng tên hộ ông Nguyễn Hải Tr và đề nghị UBND huyện V cấp lại GCNQSD đất cho bà Phạm Thị H đối với thửa đất lô số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² đất

ở theo quyết định của bản án và quy định của pháp luật.

- Đối với thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² (đất ở 215m², đất vườn trồng cây lâu năm 99m²): Như đã nhận định ở mục [...], vợ chồng ông Ng và bà H đã được ông Ng tặng cho đất, không có căn cứ xác định ông Kh và ông K cho đất Ngọc và bà V. Trên cơ sở văn bản tặng cho đất của ông Kh thì ông Ng và bà H đã đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Quy trình lập hồ sơ, xét duyệt, tổ chức công khai, kết thúc công khai đã được Hội đồng đăng ký đất đai xã T thực hiện đúng quy định, quá trình công khai không ai có ý kiến thắc mắc, kiến nghị gì. UBND huyện V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ng và bà H là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Từ khi được cấp GCNQSD đất đến khi ông Ng chết (07/02/2021) không phát sinh tranh chấp. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Th về việc hủy GCNQSD đất đã cấp cho ông Ng và bà H đối với thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

[2.6] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc phân chia đất nông nghiệp: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

[2.7] Từ nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự phải nộp án phí tương ứng với giá trị kỷ phần thừa kế được chia. Ông Kh và ông K là người cao tuổi nên được miễn án phí. Ngoài ra anh Th và anh Ng còn phải chịu án phí đối với các yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 105, 166, 170, 203 Luật đất đai 2013; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1.1. Xác định thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² (Trong đó đất ở 215m²; đất vườn trồng cây lâu năm 99m²) tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Thị H.

1.2. Xác định Lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² đất ở tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và công trình xây dựng trên đất (móng nhà) là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Thị H.

1.3. Xác định căn nhà mái bằng 01 tầng (gồm 03 gian nhà ngoài và 01 gian buồng lòi) trên thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng và bà Vũ Thị V.

1.4. Xác định hai gian nhà mái bằng 01 tầng cùng toàn bộ công trình phụ, bếp, tường bao, mái tôn, sân trên thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Thị H

1.5. Chia tài sản chung của vợ chồng ông Ng và bà V, ông Ng và bà H như sau:

- Chia căn nhà mái bằng 01 tầng (gồm 03 gian nhà ngoài và 01 gian buồng lòi) trị giá 14.224.000đ cho ông Ng và bà V, mỗi người được chia ½ giá trị tài sản chung là 7.112.000đ.

- Chia hai gian nhà mái bằng 01 tầng cùng toàn bộ công trình phụ, bếp và tường bao, mái tôn, sân có tổng trị giá 162.402.000đ cho ông Ng và bà H, mỗi người được chia ½ giá trị tài sản chung là 81.201.000đ

- Chia thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² trị giá 265.425.000đ cho ông Ng và bà H, mỗi người được chia ½ giá trị tài sản chung là 132.712.500đ

- Chia lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² và công trình xây dựng trên đất (móng nhà) cho ông Ng và bà H, mỗi người được chia ½ giá trị tài sản chung là 651.588.000đ.

1.6. Chia di sản thừa kế của bà Vũ Thị V, ông Nguyễn Văn Ng để lại như sau:

- Chia giá trị:

+ Chia di sản thừa kế của bà V để lại trị giá 7.112.000đ cho ông K, anh Th, anh Ng, mỗi người được một kỷ phần thừa kế trị giá 2.370.600đ. Chấp nhận sự tự nguyện của ông K tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho anh Th và anh Ng. Như vậy anh Th và anh Ng được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của bà V để lại là 7.112.000đ.

+ Chia di sản thừa kế của ông Ng để lại trị giá 872.613.500đ cho ông Kh, anh Th, anh Ng, bà H, chị Ng mỗi người được một kỷ phần thừa kế trị giá 174.522.700đ. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Kh tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho anh Th và anh Ng, như vậy anh Th và anh Ng được hưởng 523.568.100đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà H, như vậy bà H được hưởng 349.045.000đ.

- Chia hiện vật:

+ Giao cho bà Phạm Thị H được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất Lô số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² đất ở và công trình xây dựng trên đất (móng nhà) tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định có tổng trị giá 1.303.176.000đ. Bà H phải trả chênh lệch giá trị tài sản cho anh Th và anh Ng là 86.495.000đ.

+ Giao cho anh Nguyễn Văn Th và anh Nguyễn Văn Ng được quyền sử dụng chung toàn bộ thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² (Trong đó đất ở 215m², đất vườn trồng cây lâu năm 99m²) và toàn bộ các công trình xây dựng trên đất tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định có tổng trị giá 442.051.000đ. Anh Th và anh Ng được nhận chênh lệch giá trị tài sản từ bà H là 86.495.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.7. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Nguyễn Hải Tr đối với Lô đất số 26, thửa 304, tờ bản đồ 1a lập năm 1987, diện tích 120m² đất ở tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn Th và anh Nguyễn Văn Ng về các nội dung sau:

- Xác định thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314 m² (Trong đó đất ở 215m², đất vườn trồng cây lâu năm 99m²) tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định là tài sản chung của ông Ng và bà V để lại và chia thừa kế theo pháp luật.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Ng và bà Phạm Thị H đối với thửa đất 109, tờ bản đồ số 12, diện tích 314m² tại xóm 1, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Xác định khoản tiền gửi tiết kiệm 450 triệu đồng là tài sản chung của ông Ng và bà H để lại và chia thừa kế theo pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn Th và anh Nguyễn Văn Ng đối với yêu cầu chia thừa kế đất nông nghiệp.

4. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và quy định của pháp luật.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H phải nộp 55.417.250đ án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ số tiền 12.500.000đ đã nộp tại biên lai số 0001431 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Bà H còn phải nộp 42.917.000đ (Bốn mươi hai triệu, chín trăm M bảy nghìn đồng)

Anh Nguyễn Văn Th và anh Nguyễn Văn Ng phải nộp 52.996.140đ án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ số tiền 19.500.000đ đã nộp tại biên lai số 0001481 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Anh Th và anh Ng còn phải nộp 33.496.000đ (Ba mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng), mỗi anh phải nộp 16.748.000đ (M sáu triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng)

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Tr1 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND huyện V;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng